

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-J-462 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-J-462 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

NC-JOIN No.  
Số NC-JOIN

File No.  
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice  
District Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County

Quận/hạt

IN THE MATTER OF  
VỀ VỤ

JUVENILE LEVEL 3  
DISPOSITION AND COMMITMENT ORDER

(WHEN DELINQUENT OFFENSE  
IS THE BASIS OF THE COMMITMENT)

LỆNH XỬ LÝ VÀ GIAM GIỮ BẬC 3  
DÀNH CHO TRẺ VỊ THÀNH NIÊN

(TRƯỜNG HỢP TRẺ BỊ GIAM  
VÌ ĐÃ PHẠM TỘI)

Name And Address Of Juvenile  
Tên và địa chỉ của trẻ vị thành niên

Juvenile's Date Of Birth  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày sinh của trẻ vị thành  
niên (tháng/ngày/năm)

Age  
Tuổi

Date Of Hearing  
(mm/dd/yyyy)  
Ngày phiên tòa (tháng/ngày/  
năm)

G.S. 7B-2513  
G.S. 7B-2513

The following persons were present at the hearing:  
Những người sau đây đã có mặt tại phiên tòa:

NAME TÊN, HỌ	Relationship/Title Quan hệ/Chức danh	NAME TÊN, HỌ	Relationship/Title Quan hệ/Chức danh

FINDINGS  
CÁC SỰ VIỆC ĐƯỢC XÁC NHẬN

The most serious offense before the Court today, which provides the basis for commitment, is:  
Tội nặng nhất được đưa ra trước Tòa Án hôm nay để làm căn cứ cho lệnh giam giữ này là:

Adjudication Date (mm/dd/yyyy) Ngày phân xử (tháng/ngày/năm)	Offense (with statute number) Hành vi phạm tội (nếu có số của điều luật)	F/M DH/TH	Class Bậc tội

Based on the evidence presented, the Court makes the following Findings of Fact:  
Căn cứ vào các chứng cứ được trình bày, Tòa Án xác nhận các sự việc sau đây:

1. When the offense listed above was committed, the juvenile was on probation pursuant to an order entered on (date (mm/dd/yyyy)) \_\_\_\_\_.  
Khi phạm tội nêu trên, trẻ vị thành niên này là đối tượng của lệnh quản chế ban hành vào (ngày (tháng/ngày/năm)) \_\_\_\_\_.
2. The juvenile was previously adjudicated delinquent on the date(s) and for the offense(s) listed below:  
2. Vào (các) ngày dưới đây, Tòa Án đã phân xử trẻ vị thành niên là có khuynh hướng phạm pháp vì có (các) vi phạm ghi dưới đây:

Adjudication Date (mm/dd/yyyy) Ngày phân xử (tháng/ngày/năm)	Most Serious Offense Adjudicated (with statute number) Tội nặng nhất được phân xử (có cả số của điều luật)	F/M DH/TH	Class Bậc tội

(Over)  
(xem mặt sau)

3. a. The juvenile's delinquency history points are: \_\_\_\_\_ (based on #1 and #2 above).  
 a. Hồ sơ tiền án tiền sự của trẻ vị thành niên được xếp điểm là: \_\_\_\_\_ (căn cứ vào mục số 1 và số 2 ở trên).  
 b. The juvenile's delinquency history level is  low (0-1 point).  medium (2-3 points).  high. (4+ points)  
 b. Mức phạm pháp trước đây của trẻ vị thành niên là  thấp. (0-1 điểm)  trung bình. (2-3 điểm)  cao (4+ điểm).
4. The Court received and considered  predisposition report  risk assessment  needs assessment  and incorporates the contents of the  predisposition report  risk assessment  needs assessment by reference. (If the report is incorporated, a copy of the report **MUST** be attached to the order)  
 Tòa Án đã nhận được và xem xét  báo cáo trước khi xử lý  bản đánh giá rủi ro  bản đánh giá nhu cầu  và hợp nhất nội dung của  báo cáo trước khi xử lý  bản đánh giá rủi ro  bản đánh giá nhu cầu vào lệnh này qua việc dẫn chiếu. (Nếu báo cáo được hợp nhất vào lệnh này thì **PHẢI** đính kèm bản sao báo cáo)
5. Other Findings: (Continue on attached pages if necessary. State any findings regarding the seriousness of the offense(s); the need to hold the juvenile accountable; the importance of protecting the public; the degree of the juvenile's culpability; the juvenile's rehabilitative and treatment needs; and available and appropriate resources.)  
 Các xác nhận khác: (Tiếp tục ở các trang đính kèm, nếu cần. Trình bày rõ bất cứ sự việc nào liên quan đến độ nặng của (các) tội phạm; nhu cầu cần bắt trẻ vị thành niên chịu trách nhiệm; tầm quan trọng của việc bảo vệ công chúng; mức độ tham gia gây ra tội của trẻ vị thành niên; các nhu cầu của trẻ vị thành niên trong việc phục hồi và điều trị; và các nguồn trợ giúp thích hợp hiện có sẵn cho trẻ.)

6. The juvenile has received a Level 3 disposition previously. G.S. 7B-2508(d).  
 Trẻ vị thành niên này đã từng nhận lệnh xử lý Bậc 3 trước đây. G.S. 7B-2508(d).
7. The juvenile has been adjudicated for a minor offense and has four or more prior offenses of delinquency as defined in G.S. 7B-2508(g).  
 Trẻ vị thành niên này đã bị phân xử vì phạm tội nhẹ và có ít nhất bốn lần phạm pháp trước đây theo định nghĩa trong G.S. 7B-2508(g).
8. The juvenile is fourteen years of age or older, has been previously adjudicated delinquent for two or more felony offenses, and has been previously committed to a youth development center. G.S. 7B-2513(b).  
 Trẻ vị thành niên này từ mười bốn tuổi trở lên, đã từng bị phân xử là trẻ vị thành niên phạm pháp vì vi phạm hai tội đại hình hoặc nhiều hơn, và đã từng bị giam giữ ở một trung tâm phát triển thanh thiếu niên. G.S. 7B-2513(b).
9. The juvenile has been adjudicated for a violent or serious offense and Level 3 is authorized by G.S. 7B-2508.  
 Trẻ vị thành niên này đã bị phân xử vì phạm tội bạo hành hoặc tội trầm trọng, và Tòa Án có thẩm quyền ra lệnh xử lý Bậc 3 theo G.S. 7B-2508.

**CONCLUSIONS OF LAW  
 CÁC KẾT LUẬN VỀ LUẬT PHÁP**

The disposition ordered below is authorized by law and is an appropriate plan to meet the needs of the juvenile and to achieve the objective of the State in exercising jurisdiction.  
 Lệnh xử lý dưới đây theo đúng quy định của luật pháp và là cách phù hợp để đáp ứng các nhu cầu của trẻ vị thành niên đồng thời đạt được các mục đích của Tiểu Bang có thẩm quyền.

**ORDER  
 ÁN LỆNH**

It is ORDERED that:  
 Tòa RA LỆNH:

1. The juvenile be committed to the to the Juvenile Justice Section of the Division of Adult Correction and Juvenile Justice for placement in a youth development center for a minimum period of six (6) months, and for a total period of commitment that is
1. Giao trẻ vị thành niên này cho Đơn Vị Phụ Trách Trẻ Vị Thành Niên thuộc Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên để được đưa đến một trung tâm phát triển thanh thiếu niên và ở đó trong ít nhất sáu (6) tháng. Tổng số thời gian bị giam giữ là

- a. an indefinite commitment.  
 a. thời gian giam giữ không được quy định rõ
- b. a definite commitment of (specify time, up to two years) \_\_\_\_\_.

(NOTE: This option is available only if finding of fact #8 was checked. Three (3) months of the total commitment time will be used for post-release supervision.)

- b. thời gian giam giữ được quy định rõ là (cho biết thời gian, đến tối đa hai năm). \_\_\_\_\_.

(LƯU Ý: Chỉ áp dụng lựa chọn này nếu Tòa Án xác nhận và đánh dấu vào sự việc số 8 trên đây. Trong tổng thời gian quy định giam giữ, phải dành ra ba (3) tháng cho việc giám sát sau khi tha tù.)

**NOTE:** In no event shall the juvenile's term of commitment to the Juvenile Justice Section of the Division of Adult Correction and Juvenile Justice exceed:

**LƯU Ý:** Không có trường hợp nào mà Đơn Vị Phụ Trách Trẻ Vị Thành Niên thuộc Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên được phép giam giữ trẻ vị thành niên quá:

(Over)  
 (xem mặt sau)

**IN THE MATTER OF  
VỀ VỤ**

File No.  
Số Hồ Sơ

Name Of Juvenile  
Tên của trẻ vị thành niên

- (1) the juvenile's 21st birthday, if the juvenile is committed for an offense that would be first-degree murder (G.S. 14-17), first-degree forcible rape (G.S. 14-27.21), first-degree statutory rape (G.S. 14-27.24), first-degree forcible sexual offense (G.S. 14-27.26), or first-degree statutory sexual offense (G.S. 14-27.29) if committed by an adult.  
(1) ngày sinh nhật thứ 21 của trẻ, nếu trẻ bị giam vì phạm tội mà sẽ bị xử là cố sát bậc một (G.S. 14-17), hiếp dâm cưỡng bức bậc một (G.S. 14-27.21), hiếp dâm theo luật định bậc một (G.S. 14-27.24), phạm tội tình dục cưỡng bức bậc một (G.S. 14-27.26), hoặc phạm tội tình dục theo luật định bậc một (G.S. 14-27.29) nếu là người lớn.
- (2) the juvenile's 19th birthday, if the juvenile is committed for an offense that would be a Class B1, B2, C, D, or E felony (other than the felonies set forth in the preceding paragraph) if committed by an adult.  
(2) ngày sinh nhật thứ 19 của trẻ, nếu trẻ bị giam vì phạm tội mà sẽ bị xử là tội đại hình bậc B1, B2, C, D hay E (ngoại trừ các tội đại hình đề cập trong mục trên) nếu là người lớn.
- (3) the juvenile's 18th birthday, if the juvenile is committed for an offense other than an offense that would be a Class A, B1, B2, C, D, or E felony if committed by an adult.  
(3) ngày sinh nhật thứ 18 của trẻ, nếu trẻ bị giam vì phạm tội khác ngoài tội mà sẽ bị xử là tội đại hình bậc A, B1, B2, C, D hay E nếu là người lớn.

2. The maximum time the juvenile may remain committed before the Juvenile Justice Section of the Division of Adult Correction and Juvenile Justice either releases the juvenile or makes a determination that the juvenile's commitment should be extended is: Thời gian tối đa được phép giam giữ trẻ vị thành niên trước khi Đơn Vị Phụ Trách Trẻ Vị Thành Niên thuộc Phân Bộ Cải Huấn Người Trưởng Thành và Trẻ Vị Thành Niên hoặc là phải trả lại tự do cho trẻ hoặc là phải xác nhận cần gia hạn thời gian giam trẻ là:

**NOTE:** G.S. 7B-2513(a) requires the Court to make this Finding. The "maximum adult sentence" is the maximum term of imprisonment for which an adult in prior record Level VI for felonies or prior conviction Level-III for misdemeanors could be sentenced for the same offense.

**LƯU Ý:** G.S. 7B-2513(a) quy định rằng Tòa Án phải điền vào phần xác nhận này. "Bản án tối đa cho người lớn" có nghĩa là thời gian giam tù tối đa quy định cho một người lớn phạm cùng tội đó và có mức hồ sơ tiền án VI (đối với tội đại hình) hoặc mức tái phạm III (đối với tội tiểu hình).

- a. six (6) months. (Check this block if the maximum adult sentence for the same offense is six (6) months or less.)  
a. sáu (6) tháng. (Đánh dấu vào lựa chọn này nếu bản án tối đa cho người lớn phạm tội này là sáu (6) tháng hoặc ít hơn.)
- b. \_\_\_\_\_. (Check this block, and fill in the maximum adult sentence, if the maximum adult sentence for the same offense would be greater than six (6) months but less than the juvenile's eighteenth (18th) birthday.)  
b. \_\_\_\_\_. (Đánh dấu vào lựa chọn này và điền vào thời hạn bản án tối đa cho người lớn nếu bản án tối đa cho người lớn phạm cùng tội này là lâu hơn sáu (6) tháng nhưng ít hơn khoảng thời gian tính đến ngày sinh nhật thứ mười tám (18) của trẻ.)
- c. the juvenile's eighteenth (18th) birthday. (Check this block if the maximum adult sentence for the same offense would exceed the juvenile's eighteenth (18th) birthday.)  
**NOTE:** The commitment may be extended only upon filing of a Notice Of Extension. [G.S. 7B-2515]  
c. đến ngày sinh nhật thứ 18 của trẻ. (Đánh dấu vào lựa chọn này nếu bản án tối đa cho người lớn phạm cùng tội này là lâu hơn khoảng thời gian tính đến ngày sinh nhật thứ mười tám (18) của trẻ.)

**LƯU Ý:** Chỉ được phép gia hạn thời gian giam giữ sau khi trình nộp mẫu Thông Báo Gia Hạn. [G.S. 7B-2515]

3. The juvenile's  mother  father  guardian  custodian comply with the Supplemental Order (AOC-J-463) directed to that person, which is attached and incorporated by reference. [G.S. 7B-2700 through -2704]  
 Người mẹ  Người cha  Người giám hộ  Người nuôi giữ trẻ vị thành niên phải tuân thủ với Lệnh Bổ Sung (AOC-J-463) mà Tòa Án ban hành đối với người đó. Lệnh đó được đính kèm và hợp nhất vào văn bản này thông qua việc dẫn chiếu. [G.S. 7B-2700 đến -2704]
4. Other:  
Lệnh khác:

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Name Of District Court Judge (type or print)  
Tên của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực (đánh máy hay viết chữ in)

Signature Of District Court Judge  
Chữ Ký của Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực